TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1337/2017/QĐHNGĐ-ST	*Thủ Đức, ngày 14 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1037/2017/TLST/HNST ngày 13 tháng 10 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu: bà Lê Thị M, sinh năm 1960

Địa chỉ: đường MH, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: ông Trần Văn C, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường MH, khu phố H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/12/2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/12/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị M và ông Trần Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: bà Lê Thị M và ông Trần Văn C có 04 con chung tên Trần Văn T1, sinh năm 1979, Trần Kim T2, sinh năm 1982, Trần Kim T3, sinh năm 1984, Trần Văn T4, sinh năm 1986. Tất cả đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: bà Lê Thị M và ông Trần Văn C không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: bà Lê Thị M và ông Trần Văn C tự khai không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Trần Văn C và bà Lê Thị M chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí, ông Trần Văn C và bà Lê Thị M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0037249 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông Trần Văn C và bà Lê Thị M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tôn Trung Tuấn